

dưới thực hiện tốt nhiệm vụ được quy định trong Quy chế này.

Điều 25. Trong quá trình thực hiện Quy chế, các tổ chức, cá nhân có thành tích sẽ được khen thưởng; các tổ chức, cá nhân vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Những nơi không tổ chức triển khai thực hiện Quy chế hoặc triển khai hình thức, kém hiệu quả thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phải chịu trách nhiệm và bị xử lý kỷ luật tùy theo mức độ sai phạm. Hình thức kỷ luật đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 133/2003/QĐ-TTg ngày 04/7/2003 về quản lý luồng hàng hải.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 12 tháng 7 năm 1990;

Xét đề nghị của Bộ Giao thông vận tải (Công văn số 359/GTVT-KHĐT ngày 28 tháng 01 năm 2003); Bộ Tư pháp (Công văn số 358/TP-HTQT ngày 30 tháng 5 năm 2003),

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quyết định này quy định về quản lý đầu tư xây dựng và vận hành luồng hàng hải ra, vào các cảng biển áp dụng đối với mọi đối tượng kinh doanh khai thác cảng biển ở Việt Nam, trừ những luồng ra, vào các cảng sử dụng riêng cho mục đích quân sự do Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "**Luồng hàng hải**" là phần giới hạn vùng nước được xác định bởi hệ thống báo hiệu hàng hải bao gồm cả hệ thống báo hiệu hàng hải, các công trình phụ trợ, bảo đảm cho tàu thuyền hoạt động an toàn và được cơ quan có thẩm quyền công bố.

2. "**Luồng hàng hải công cộng**" là luồng hàng hải do Nhà nước đầu tư xây dựng để sử dụng cho mục đích chung.

3. "**Luồng hàng hải chuyên dùng**" là luồng ra, vào các cảng chuyên dùng do các doanh nghiệp tự bỏ vốn đầu tư xây dựng để sử dụng vào mục đích riêng của cảng thuộc doanh nghiệp đó.

4. "**Báo hiệu hàng hải**" là công trình hàng hải bao gồm các báo hiệu nhận biết bằng mắt, âm thanh và vô tuyến được thiết lập để hướng dẫn cho hoạt động của tàu thuyền.

Chương II

QUẢN LÝ LUỒNG HÀNG HẢI

Điều 3. Nội dung và trách nhiệm quản lý nhà nước về luồng hàng hải

1. Nội dung quản lý nhà nước về luồng hàng hải:

a) Xây dựng, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển luồng hàng hải phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam;

b) Xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý luồng hàng hải, ban hành những tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến luồng hàng hải; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định này;

c) Ký kết, gia nhập và tổ chức thực hiện các Điều ước quốc tế liên quan đến luồng hàng hải;

d) Quy định các định mức kỹ thuật về luồng hàng hải làm cơ sở để giao nhiệm vụ cho các đơn vị thực hiện xây dựng và duy tu luồng hàng hải;

đ) Công bố danh mục luồng hàng hải công cộng và luồng hàng hải chuyên dùng;

e) Ra thông báo hàng hải;

f) Phối hợp tìm kiếm cứu nạn trên luồng hàng hải;

g) Bảo vệ môi trường biển và an ninh, quốc phòng.

2. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm quản lý thống nhất về luồng hàng hải trong phạm vi cả nước.

3. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về luồng hàng hải quy định tại khoản 1 Điều này; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc vận hành, khai thác, duy tu luồng hàng hải theo đúng quy định.

Điều 4. Đầu tư xây dựng luồng hàng hải

1. Việc đầu tư xây dựng luồng hàng hải bao gồm:

a) Xây dựng vùng nước luồng hàng hải;

b) Xây dựng các báo hiệu hàng hải;

c) Xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ luồng hàng hải;

d) Trang bị phương tiện và thiết bị khác phục vụ công tác bảo đảm hàng hải.

2. Vốn đầu tư xây dựng luồng hàng hải công cộng được cấp từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động khác.

3. Luồng hàng hải chuyên dùng do các doanh nghiệp tự đầu tư xây dựng. Khi chuyển sang luồng công cộng thì nhà nước sẽ hoàn trả vốn đã đầu tư xây dựng cho chủ đầu tư. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự và phương thức xác định giá trị luồng khi chuyển giao luồng hàng hải chuyên dùng thành luồng hàng hải công cộng.

Điều 5. Quản lý đầu tư xây dựng luồng hàng hải

1. Việc quản lý đầu tư xây dựng luồng hàng hải phải đảm bảo các quy định sau:

a) Dự án đầu tư xây dựng luồng hàng hải phải phù hợp với quy hoạch phát triển luồng và được Cục Hàng hải Việt Nam chấp thuận bằng văn bản;

b) Thẩm quyền quyết định đầu tư, trình tự thực hiện dự án đầu tư xây dựng luồng hàng hải tiến hành theo các quy định về quản lý đầu tư xây dựng.

c) Việc xây dựng luồng hàng hải phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Việc mở và công bố luồng hàng hải được thực hiện đồng thời với việc công bố mở cảng.

Điều 6. Quản lý vận hành luồng hàng hải

1. Quản lý vận hành luồng hàng hải gồm:

a) Duy tu luồng hàng hải và các công trình, thiết bị phụ trợ đảm bảo an toàn cho hoạt động của tàu thuyền;

b) Quản lý vận hành báo hiệu hàng hải;

c) Khảo sát, ra thông báo hàng hải theo quy định.

2. Quản lý vận hành luồng hàng hải công cộng

do cơ quan Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam thực hiện.

3. Quản lý vận hành luồng hàng hải chuyên dùng do doanh nghiệp đầu tư xây dựng luồng hàng hải chuyên dùng đó thực hiện theo quy định.

Điều 7. Thu phí và kinh phí cho quản lý vận hành luồng hàng hải

1. Kinh phí quản lý vận hành luồng hàng hải công cộng được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Kinh phí quản lý vận hành luồng hàng hải chuyên dùng do doanh nghiệp vận hành luồng hàng hải chuyên dùng đó đảm nhận.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quy định việc thu, quản lý và sử dụng phí bảo đảm hàng hải.

Điều 8. Quản lý vận hành luồng hàng hải chuyên dùng

Doanh nghiệp quản lý luồng hàng hải chuyên dùng có nhiệm vụ sau:

1. Bảo đảm luồng hàng hải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định.

2. Định kỳ báo cáo tình trạng luồng hàng hải theo quy định. Khi có thay đổi về luồng hàng hải so với khi công bố hoặc khi phát hiện có chướng ngại vật trên luồng hàng hải, doanh nghiệp phải báo ngay cho Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam để có biện pháp xử lý.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều không có hiệu lực thi hành.

Điều 10. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan

ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 134/2003/QĐ-TTg ngày 09/7/2003 về việc chuyển khu bảo tồn thiên nhiên Núi Chúa, tỉnh Ninh Thuận thành Vườn Quốc gia Núi Chúa, tỉnh Ninh Thuận.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 12 tháng 8 năm 1991;

Xét đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 1512/BNN-KL ngày 16 tháng 6 năm 2003) và của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (Công văn số 1291/KT ngày 10 tháng 6 năm 2003),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển Khu bảo tồn thiên nhiên Núi Chúa, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận thành Vườn quốc gia trong hệ thống các khu rừng đặc dụng Việt Nam, gồm các nội dung sau:

1. Tên gọi: Vườn Quốc gia Núi Chúa.